

Số: 380 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH

Khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi do Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai quản lý, vận hành khai thác

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Sau khi xem xét nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5521/TTr-SNN ngày 13 tháng 11 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực của công trình thủy lợi do Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai (sau đây viết tắt là Công ty) quản lý, vận hành khai thác như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Làm cơ sở để Công ty tổ chức lập phương án khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ của từng công trình thủy lợi, để vừa đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản; vừa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, dịch vụ thương mại; nhằm phát huy năng lực phục vụ của công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Yêu cầu

a) Việc khai thác tổng hợp và sử dụng hiệu quả công trình thủy lợi đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đảm bảo mục tiêu nhằm phát huy tối đa năng lực công trình.

b) Tăng cường vai trò, chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi; tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty quản lý, khai thác, sử dụng công trình hợp lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng công trình thủy lợi; đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, triển khai đầu tư khai thác tổng hợp từ công trình thủy lợi để phát triển kinh tế, nâng cao giá trị sử dụng từ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

a) Đảm bảo phát huy tối đa năng lực công trình để phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, phát triển dịch vụ du lịch và các ngành kinh tế khác của địa phương, đồng thời đảm bảo an toàn công trình, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Khai thác và sử dụng đất hiệu quả trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo hướng phát triển phục vụ đa mục tiêu (mặt nước, vùng bán ngập,...), góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

c) Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ có thu từ công trình thủy lợi, khai thác tối đa năng lực của công trình thủy lợi hiện có và tiềm năng phát triển của công trình, đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi, tăng nguồn thu từ dịch vụ thủy lợi khác, giảm nguồn hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước.

2. Phạm vi thực hiện

Việc khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ trong phạm vi quản lý, khai thác và sử dụng công trình thủy lợi tại các công trình do Công ty quản lý.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hiện trạng năng lực phục vụ, khai thác cung cấp dịch vụ của công trình thủy lợi

Hiện nay, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, vận hành khai thác 28 công trình thủy lợi trên địa bàn; trong đó có 12 hồ chứa nước, 10 đập dâng, 02 trạm bơm điện, 02 hệ thống đê ngăn mặn, 01 hệ thống tiêu thoát nước, 01 hệ thống kè gia cố bờ sông. Nhiệm vụ chính của các công trình là cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp 22.067,44 ha (03 vụ/năm), tiêu thoát nước 5.243,68 ha, ngăn mặn 5.861 ha, cấp nước công nghiệp và sinh hoạt 34,51 triệu m³/năm (Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt năm 2024), cụ thể như sau:

- Cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp: Tại 20 công trình (Bao gồm: 08 hồ chứa, 09 đập dâng, 02 trạm bơm điện, 01 hệ thống đê ngăn mặn);
- Tiêu thoát nước: Tại 03 công trình (Bao gồm: 02 hồ chứa, 01 đập dâng);
- Ngăn mặn: Tại 02 công trình (Đê bao ngăn mặn);
- Cung cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt: Tại 08 công trình (Bao gồm: 06 hồ chứa, 02 đập dâng).

(Chi tiết Phụ lục 1 đính kèm)

2. Tiềm năng khai thác tổng hợp của công trình thủy lợi

Với 12 hồ chứa hiện Công ty đang quản lý, tổng dung tích các hồ chứa khoảng 94,71 triệu m³, diện tích mặt nước ứng với mực nước dâng bình thường (MNDBT) là 1.817,38 ha; diện tích đất vùng bán ngập và hạ lưu công trình khoảng 480 ha. Trong đó một số hồ chứa có diện tích mặt nước lớn, gồm: Đa Tôn (350 ha), Cầu Mới tuyến VI (274 ha), Sông Mây (269 ha), Gia Ui (245 ha), Cầu Mới tuyến V (177 ha), Gia Măng (130 ha), Cầu Dầu (106,9 ha), Núi Le (102 ha), Suối Vọng (75,9 ha), Lộc An (35,49 ha) có tiềm năng rất lớn để khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ nhằm phục vụ đa mục tiêu, phát huy năng lực phục vụ của các công trình.

a) Đánh giá khả năng mở rộng phạm vi khai thác, cung cấp dịch vụ của công trình thủy lợi

Ngoài chức năng tích nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, phòng chống thiên tai, các hồ chứa thủy lợi còn rất giàu tiềm năng phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, môi trường như: Điều hòa không khí khu vực, nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các ngành du lịch, dịch vụ vui chơi, nghỉ dưỡng. Các công trình đều có hệ thống đường giao thông liên xã, liên huyện kết nối, tạo lợi thế khai thác các dịch vụ đa chức năng, đa giá trị.

Tuy nhiên, ngoài phục vụ sản xuất nông nghiệp truyền thống, việc khai thác tổng hợp, đa mục tiêu các công trình thủy lợi nói chung và các hồ chứa nước thủy lợi nói riêng còn khá hạn chế. Việc tận dụng, khai thác tiềm năng của các công trình trong thời gian tới phải được quan tâm đầu tư, phát triển hơn nữa.

Trong số 28 công trình thủy lợi Công ty đang quản lý, vận hành khai thác: Có 12 hồ chứa và 1 đập dâng (đập Đồng Hiệp) có tiềm năng rất lớn trong việc khai thác nguồn nước, mặt nước, vùng phụ cận để phát triển nhiệm vụ đa mục tiêu của công trình thủy lợi (phát triển du lịch, dịch vụ, cảnh quan, nuôi trồng thủy sản...).

b) Về tiềm năng khai thác đối với 12 hồ chứa và đập dâng Đồng Hiệp

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích mặt nước có thể khai thác để nuôi trồng thủy sản khoảng 1.093 ha, tương đương 60% diện tích mặt nước lòng hồ (ứng với MNDBT), bao gồm các công trình: Hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Gia Măng, hồ Gia Ui, hồ Suối Vọng, hồ Núi Le, hồ Sông Mây, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Lộc An, hồ Suối Tre 1 và 2, hồ Cầu Dầu và đập Đồng Hiệp.

- Trồng cây lâu năm: Diện tích vùng bán ngập và hạ lưu có thể khai thác để trồng cây lâu năm khoảng 211 ha, bao gồm các công trình: Hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Gia Măng, hồ Gia Ui, hồ Suối Vọng, hồ Cầu Dầu, hồ Sông Mây, hồ Đa Tôn, hồ Lộc An, hồ Suối Tre 1 và 2.

- Khai thác dịch vụ du lịch: Diện tích ven hồ có thể phát triển dịch vụ, du lịch khoảng 126 ha, bao gồm các công trình: Hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Gia Măng, hồ Gia Ui, hồ Suối Vọng, hồ Sông Mây, hồ Đa Tôn, đập Đồng Hiệp, hồ Lộc An, hồ Cầu Dầu.

(Chi tiết Phụ lục 2 đính kèm)

Việc xây dựng kế hoạch khai thác tổng hợp công trình thủy lợi cho 12 hồ chứa và đập Đồng Hiệp do Công ty đang quản lý, vận hành khai thác là rất cần thiết nhằm phát huy tối đa tiềm năng và năng lực của công trình thủy lợi hiện có, khai thác và sử dụng hiệu quả công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ từ công trình thủy lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Thời gian, nguồn kinh phí thực hiện

a) Thời gian

Từ năm 2025-2030, hoàn thành xây dựng phương án cụ thể khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ đối với từng công trình (12 hồ chứa nước và đập Đồng Hiệp) do Công ty quản lý, vận hành khai thác.

b) Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí xây dựng phương án cụ thể khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho từng công trình, bố trí từ nguồn tài chính trong hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

- Nguồn kinh phí để thực hiện dự án đầu tư mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ của công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sử dụng từ nguồn vốn xã hội hóa, vốn ngân sách và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với các công trình thủy lợi (12 hồ chứa và đập dâng Đồng Hiệp)

a) Rà soát, lập kế hoạch và bố trí nguồn vốn thực hiện sửa chữa, nâng cấp mở rộng các công trình có khả năng phát triển đa mục tiêu, phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp, phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch. Việc phân bổ vốn phải có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện dứt điểm dự án.

b) Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Thường xuyên theo dõi đánh giá hiện trạng công trình trong quá trình vận hành, phát hiện kịp thời những hư hỏng để có biện pháp sửa chữa, khắc phục; bảo đảm nguồn kinh phí bảo trì, duy tu, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi để bảo đảm vận hành an toàn phục vụ sản xuất, sinh hoạt.

c) Thường xuyên theo dõi đánh giá hiện trạng công trình trong quá trình vận hành, phát hiện kịp thời những hư hỏng để có biện pháp sửa chữa, khắc phục; chú trọng đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi có biểu hiện xuống cấp sau thời gian dài hoạt động.

d) Đầu tư đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành; xây dựng và lắp đặt hệ thống giám sát tự động các hồ chứa nước (Giám sát mực nước hồ, mực nước tràn xả lũ, giám sát độ mở cống, mực nước kênh sau cống, lắp đặt trạm đo mưa, quan trắc thấm của đập đất,...).

đ) Thường xuyên đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công nhân quản lý, vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nhằm nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác thủy lợi đảm bảo yêu cầu theo quy định.

e) Chú trọng cải tạo cảnh quan môi trường trong khu vực công trình gắn với phát triển du lịch sinh thái, phát huy được hết những lợi thế, tiềm năng mà công trình thủy lợi mang lại như: Nuôi trồng thủy sản; các dịch vụ du lịch lòng hồ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng,... nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giúp tăng thu nhập, tạo việc làm; thu hút khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống kinh tế ở địa phương.

g) Bổ sung nhiệm vụ, xây dựng phương án khai thác công trình thủy lợi phù hợp với tiềm năng từng công trình và phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm phát huy tối đa công năng của hồ chứa, phát triển đa mục tiêu và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

h) Bổ sung, điều chỉnh quy trình vận hành công trình bảo đảm gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ cấp nước tưới, tiêu, sinh hoạt với việc mở rộng phạm vi cung

cấp dịch vụ từ công trình thủy lợi.

2. Bảo vệ nguồn nước

a) Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; tăng cường kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn tình trạng vi phạm công trình thủy lợi (lấn chiếm lòng hồ, các vùng bán ngập...); kiến nghị các cấp, ngành giải quyết; đồng thời phối hợp với các cấp chính quyền địa phương xử lý các vi phạm, hạn chế phát sinh các trường hợp vi phạm mới.

b) Quản lý chặt chẽ và kiểm soát việc cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi; yêu cầu bắt buộc phải có hệ thống xử lý chất thải tại nguồn đạt các quy chuẩn quốc gia liên quan.

c) Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với chính quyền địa phương để tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, huy động nhân dân ra quân tham gia quản lý, bảo vệ công trình, không xâm lấn đất công trình, sử dụng nước tưới tiết kiệm, không vứt rác thải sinh hoạt, xả nước thải vào trong công trình thủy lợi.

3. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước

a) Nghiên cứu các giải pháp để tăng cường khả năng tích trữ nước (xây dựng bổ sung hạng mục công trình, sửa chữa, nâng cấp) hoặc xây dựng các công trình điều chuyển nước trên các lưu vực để đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng có nguy cơ gia tăng.

b) Tăng cường áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây lúa và các loại cây trồng khác.

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi có trọng tâm, trọng điểm theo hướng đồng bộ, hiện đại, áp dụng công nghệ mới. Đặc biệt, cần phát triển hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác như giao thông, điện, du lịch,...

d) Có giải pháp quảng bá tiềm năng lòng hồ, mặt nước, thu hút có chọn lọc các dự án du lịch bền vững, không gây ô nhiễm môi trường, nhằm khai thác tối đa lợi thế về tiềm năng công trình thủy lợi, đảm bảo nguồn thu cho tổ chức quản lý khai thác công trình.

đ) Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, nhân viên tham gia quản lý khai thác công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty thực hiện Kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi; theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để đảm bảo mục tiêu Kế hoạch đề ra.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt bổ sung nhiệm vụ của các công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu khai thác tổng hợp.

c) Đề xuất các cấp có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể, chi tiết, đơn giản hóa việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (giá công ích, giá khác) phù hợp với địa phương và tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ tiền sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

d) Kiến nghị, đề xuất các bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường thực thi pháp luật về thủy lợi: Nâng cao nhận thức của xã hội về hoạt động thủy lợi, tăng cường thực thi pháp luật, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thủy lợi bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch.

đ) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở đề nghị của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách tỉnh theo quy định pháp luật về đầu tư công, để thực hiện dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp mở rộng các công trình thủy lợi có khả năng phát triển đa mục tiêu, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy tối đa năng lực công trình thủy lợi.

b) Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định đối với các dự án liên quan đến khai thác tổng hợp công trình thủy lợi trên địa bàn, nhằm kêu gọi, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án trên.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nguồn vốn đầu tư công, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước đối với các dự án sửa chữa, nâng cấp mở rộng phạm vi phục vụ của các công trình thủy lợi.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất các công trình thủy lợi cho Công ty theo quy định, có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc lập hồ sơ Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cắm ranh mốc công trình thủy lợi. Nhất là các công trình đã đưa vào sử dụng trong thời gian dài, bị thiếu các hồ sơ pháp lý liên quan đến đất đai.

b) Hướng dẫn Công ty, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư dịch vụ, khai thác tổng hợp về thủ tục thuê đất (vùng bán ngập, vùng phụ cận...), thuê mặt nước công trình thủy lợi.

c) Phối hợp với Công ty trong việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới xác định hành lang bảo vệ nguồn nước của công trình thủy lợi.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn, xử lý các vi phạm trong phạm vi bảo vệ nguồn nước.

5. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương rà soát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện khai thác tổng hợp phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư dịch vụ, khai thác tổng hợp về thủ tục xin phép xây dựng đối với các công trình xây dựng phục vụ cho việc kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi công trình thủy lợi.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương để rà soát, cập nhật, bổ sung quy hoạch du lịch cho các khu vực có công trình thủy lợi tiềm năng; đảm bảo các quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển du lịch bền vững, đồng thời khai thác tối đa các giá trị cảnh quan và môi trường hiện hữu.

7. Công an tỉnh: Phối hợp với các sở, ngành và Công ty trong việc phát hiện ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; các hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư, khai thác, kinh doanh thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trong khu vực triển khai khai thác tổng hợp.

8. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai

a) Căn cứ vào Kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi được phê duyệt, xây dựng Phương án khai thác tổng hợp đối với từng công trình có tiềm năng khai thác tổng hợp; trong đó xác định rõ phương án khai thác tổng hợp phần đất, mặt nước, khu vực lòng hồ và vùng phụ cận lòng hồ,... đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương có công trình thủy lợi, nhằm phát huy tối đa công năng của hồ chứa; đồng thời đảm bảo nhiệm vụ cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

b) Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ quản lý của công trình đáp ứng theo Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật.

c) Thực hiện quản lý, vận hành công trình theo Quy trình vận hành được cấp thẩm quyền phê duyệt; đồng thời rà soát, điều chỉnh theo các nhiệm vụ khai thác tổng hợp, đảm bảo công trình an toàn phát huy hiệu quả. Quản lý công trình đảm bảo mỹ quan, an toàn, giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trong phạm vi quản lý.

d) Rà soát các công trình hư hỏng, xuống cấp để lập kế hoạch, ưu tiên các hạng mục công trình mang tính cấp bách đưa vào tu sửa, nâng cấp từ nguồn kinh phí được bố trí hằng năm.

d) Thực hiện bảo trì, xử lý khắc phục sự cố công trình, máy móc, thiết bị;

cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý ranh mốc, chống lấn chiếm đất đai khu vực công trình thủy lợi.

d) Lắp đặt cọc tiêu, các biển báo cấm lưu thông, cảnh báo nguy hiểm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn hồ đập và người dân qua lại; lắp đặt biển báo cấm tải trọng, loại xe, tốc độ,... qua lại đường qua đập đảm bảo an toàn theo quy định.

e) Khai thác sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nhưng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của công trình, khai thác các hoạt động dịch vụ không ảnh hưởng môi trường đảm bảo mỹ quan, cảnh quan chung khu vực lòng hồ và xung quanh.

g) Phối hợp với chính quyền các địa phương lập hồ sơ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, xác nhận đối tượng và diện tích tưới, cấp nước theo thực tế của công trình; đề xuất lập kế hoạch đầu tư đường vận hành xung quanh hồ; thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, phòng chống thiên tai.

h) Kiểm tra, giám sát các hoạt động nuôi trồng thủy sản, trồng cây, du lịch,... trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải đảm bảo không ảnh hưởng đến nhiệm vụ của công trình, không gây mất an toàn công trình, không ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan hồ và phải được cấp phép theo quy định tại Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2018, Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

i) Chủ động đề xuất, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện xây dựng Phương án khai thác tổng hợp cho từng công trình từ các nguồn tài chính trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

9. UBND các huyện, thành phố

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; hướng dẫn các cơ sở kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến dịch vụ du lịch thực hiện thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động du lịch đảm bảo khí thải, nước thải, chất thải rắn được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định đối với khu vực ngoài phạm vi công trình.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động du lịch đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn.

c) Phối hợp với Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai trong công tác lập phương án khai thác, quản lý lòng hồ, điều tiết nước tưới phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; lập hồ sơ sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, xác nhận đối tượng và diện tích tưới, cấp nước theo thực tế của công trình; lập hồ sơ đầu tư đường vận hành xung quanh hồ; thực hiện tốt Quy chế

phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, phòng chống thiên tai.

d) Phối hợp với Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai trong việc xây dựng phương án cấm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa và phối hợp thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cấm mốc giới được phê duyệt.

đ) Chủ động điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch đầu tư khai thác dịch vụ, phát triển kinh tế xung quanh hồ nhằm tận dụng lợi thế hồ và có sự đồng bộ với phương án khai thác vùng bán ngập để nâng cao giá trị mặt nước, lòng hồ và vùng phụ cận.

e) Phối hợp với các tổ chức, các hội, đoàn thể thực hiện tốt công tác vận động, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chung tay ngăn chặn vi phạm, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

10. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư khai thác tổng hợp

a) Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về thủy lợi, xây dựng, bảo vệ môi trường, phạm vi bảo vệ hồ, bảo vệ nguồn nước trong quá trình đầu tư dự án phục vụ mục tiêu khai thác tổng hợp.

b) Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng nước hàng năm, trình phê duyệt trước khi thực hiện; áp dụng, ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thất thoát nước; xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo mục tiêu chất lượng nước trước khi xả vào nguồn nước.

Trên đây là Kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi do Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai quản lý, khai thác; các cơ quan, đơn vị căn cứ tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN.

(Khoa/Khkhaitacctl/02.12-675)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1
NĂNG LỰC PHỤC VỤ CỦA CÔNG TRÌNH
Kiểm tra Kế hoạch số 380 /KH-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tối đa theo QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2023)				Ghi chú
			Tuổi (ha)	Tiêu (ha)	Ngân mẫn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tuổi (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngân mẫn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
1	Hồ Sông Mây	Xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	1.100			658	785,82			1.600 (240.000 m ³ /năm, phục vụ từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau)	
2	Đập Bến Xúc	Xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai						2.566,12			
3	Hồ Bà Long	Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	50,00				50,00				
4	Hồ Cầu Mới tuyến V	xã Thừa Đức (huyện Cẩm Mỹ) và xã Cẩm Đường (huyện Long Thành)	1.200			136.000	50			10.659	
5	Hồ Cầu Mới tuyến VI	xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, xã Thừa Đức huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai, xã Cù Bì huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu					452			53.649	
6	Đập Suối Cả	Xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai					220				

7	Hồ Lộc An	Suối Ông Quế, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	300,00	Cắt lư cho hạ lưu suối Ông Quế gồm xã Lộc An và một phần thị trấn Long Thành				317,00				
8	Dập Phước Thái	Xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai			18.000						17.797 (6.496.000 m ³ /năm)	
9	Dập Long An	Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	400		5.923	384,47					3.665 (777.063 m ³ /7 tháng)	
10	Dê Bà Kỳ (Đê ngăn mặn Hiệp Phước - Long Thọ)	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai			662,00				585,20			
11	Hệ thống công trình thủy lợi Ông Kèo	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	4.609		5.338	2.024			5.275,96			
12	Hồ Đa Tôn	Xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	1.403			1.041					513 (187.162 m ³ / năm)	
	Suối Đa Tôn			2.200 (QĐ số 3100/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)				2.227,61				
13	Dập Đồng Hiệp	Xã Phú Diên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	1.622			1.321,18	598,86 (ước TH năm 2024)					
14	Dập Năm Sao	Suối Dar Hoi, xã Phú Bình, huyện Tân Phú,	250			210,33						

	tỉnh Đồng Nai								
15	Trạm bơm điện Tà Lài	Xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	410			423,9	1.065,95 (ước TH năm 2024)		
16	Dập Cù Nhi 1	Xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	436			426,5			
17	Dập Cù Nhi 2	Xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai							
18	Hồ Gia Uí	Ấp Suối Đục, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai			3.202	594,98		6.956 (2.538.928 m ³ /năm)	
19	Tram bơm điện Xuân Tâm	Xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	680,00			39,62			
20	Hồ Gia Măng	Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	590,00		3.288 (1.200.000 m ³ / năm theo QĐ số 605/QĐ-UBND ngày 3/3/2020)	273,45		Chưa phục vụ	
21	Hồ Núi Le	Xã Xuân Tâm, Xuân Trường, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	400		2.400	0		11.465 (4.184.727 m ³ /năm)	Tiếp nước bổ sung cho hồ Gia Uí vào tháng 3, tháng 4 hàng năm 1,38 triệu m ³
22	Hồ Suối Vọng	Xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	300,00			300,00			
23	Dập Lang Minh	Xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	200,00			341,9			
24	Dập Suối Nước Trong	Xã Xuân Báo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	385			154,89			
25	Hồ Cầu Dầu	Hàng Gòn, TP. Long Khánh, T. Đồng Nai	450,00		4.000 m ³ / ngày			Chưa phục vụ	Mới nhận bàn giao



Phụ lục 2

HIỆN TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG KHAI THÁC ĐA MỤC TIÊU CỦA HỒ CHỨA

1. Hồ Bà Long

- Vị trí: xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,22	1,22	1,22
-	Ứng với MNDGC		1,43	1,43	1,43
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		12,0	12,0	12,0
-	Ứng với MNDGC		13,92	13,92	13,92
2	Cấp nước tưới	ha/vụ	50 (QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	50 (thực tế phục vụ năm 2023)	50
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			18,26	18,26
-	Kênh mương			0,53	0,53
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				6,0
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập- dự kiến)				1,5
-	Dịch vụ				0,2

2. Hồ Sông Mỹ

- Vị trí: xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		15	13,75	13,75
-	Ứng với MNDGC		17,22	17,22	17,22
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			269,00	269,00
-	Ứng với MNDGC		D	302,00	302,00
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	1.100 (QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	635,82 (thực hiện năm 2023)	1.100
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ	658 (QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	1.600 (thực hiện năm 2023)	
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ		2.000 (tưới cỏ)	4.000
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		352,00	269,01	352,00
-	Kênh mương		6,86	6,86	6,86
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				196,50
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				7,00
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,5

3. Hồ Cầu Mới tuyến V

- Vị trí: xã Cẩm Đường, huyện Long Thành và xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		9,0	9,0	9,0
-	Ứng với MNDGC		11,98	11,98	11,98
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		177,0	177,0	177,0
-	Ứng với MNDGC		211,10	211,10	211,10
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	1.200 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến VI và đập Suối Cả tại QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	50 (Thực hiện năm 2023)	50
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ	136.000 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến VI và đập Suối Cả tại QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	10.659 (Thực hiện năm 2023)	
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		347,31	347,31	347,31
-	Kênh mương		0,19	0,19	0,19
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				127,00
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				15,0

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiêu chuẩn
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1,00

4. Hồ Cầu Mới tuyến VI

- Vị trí: xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và xã Cù Bì, huyện Châu Đức (huyện), tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.
- Liên trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiêu chuẩn
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		21	21	21
-	Ứng với MNDGC		25,81	25,81	25,81
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		274,0	274,0	274,0
-	Ứng với MNDGC		307,87	307,87	307,87
2	Cấp nước tưới	Ha	1.200 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến V và đập Suối Cả tại QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	452 (Thực hiện năm 2023)	
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngày		53.649 (Thực hiện năm 2023)	
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngày	136.000 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến VI và đập Suối Cả tại QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)		
8	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		346,27	349,27	346,27
-	Kênh tưới		0,19	0,19	0,19

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ				142,00
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập và hạ lưu)				15,0
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá, du lịch sinh thái...)				2,00

5. Hồ Lộc An

- Vị trí: xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,636	0,636	0,636
-	Ứng với MNGDC		1,641	1,641	1,641
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		35,49	35,49	35,49
-	Ứng với MNDGC		65,08	65,08	65,08
2	Cấp nước tưới	Ha	300 (QTVH)	317 (tiêu thoát lư)	317 (tiêu thoát lư)
3	Cấp nước sinh hoạt	$m^3/ngđ$			5.000
4	Cấp nước công nghiệp	$m^3/ngđ$			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		68,81	68,81	68,81
-	Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ				35,00

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiêu năng
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				10,00
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1,00

6. Hồ Đa Tôn

- Vị trí: xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiêu năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		19,4	19,76	20,34
-	Ứng với MNDGC		20,55	23,82	24,40
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			350	350
-	Ứng với MNDGC			392	392
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	1.403 tại QĐ số 2417/QĐ- UBND ngày 6/8/2014	1.041 (Thực hiện năm 2023)	1.041
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ		513 (thực hiện năm 2023)	10.000
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		413,00	334,00	413,00

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Kênh mương		85,31	85,31	85,31
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				196,00
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá, du lịch sinh thái...)				2,0

7. Hồ Gia Măng

- Vị trí: xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		4,01	4,01	4,01
-	Ứng với MN là thiết kế		5,53	5,53	5,53
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		130	130	130
-	Ứng với MNDBG		160	160	160
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	590	273,45	590
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ	3.288 (QĐ số 605/QĐ-UBND ngày 3/3/2020)	Chưa phục vụ	4.000

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiền năng
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình dầu mồi		177,94	177,94	177,94
-	Kênh mương		4,25	4,25	4,25
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				85,50
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				15,0
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,5

8. Hồ Gia Ui

- Vị trí: xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		10,8	11,27	11,27
-	Ứng với MNDGC			16,31	16,31
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			245	245
-	Ứng với MNDGC			345	345

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	680 (cùng TB. Xuân Tâm tại QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	595	595
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ	3.202	6956 (Thực hiện năm 2023)	10.000
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		443,14	290,25	443,14
-	Kênh mương		14,16	14,16	14,16
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				113,00
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				20,00
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1,0

9. Hồ Núi Le

- Vị trí: xã Xuân Tâm, xã Xuân Trường, TT.Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		3,5	3,54	3,54

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Ứng với MNDGC		4,18	4,78	4,78
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			102,0	102,0
-	Ứng với MNDGC			123,13	123,13
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	400 (QĐ số 2417/QĐ- UBND ngày 6/8/2014)	0	0
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ	2.400 (QĐ số 2417/QĐ- UBND ngày 6/8/2014)	11.465 (thực hiện năm 2023)	15.000
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		112,00	99,78	99,78
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				75,00
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				10,00
-	Dịch vụ, du lịch (kính doanh, câu cá...)				0,5

10. Hồ Suối Vọng

- Vị trí: xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

T.T	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		4,35	4,35	4,35
-	Ứng với MNDGC		4,85	4,85	4,85
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		75,9	75,9	75,9
-	Ứng với MNDGC		83,33	83,33	83,33
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	300	300	300
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		75,93	75,93	75,93
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				32,00
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				3,0
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,5

11. Hồ Suối Tre (hồ 1 + hồ 2)

- Vị trí: phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10^6 m^3			
a	Hồ Suối tre cũ				
-	Ứng với MNDBT		0,635	0,635	0,635
-	Ứng với MNDGC		0,8	0,8	0,8
	Diện tích mặt nước				
-	Ứng với MNDBT		11,0	11,0	11,0
-	Ứng với MNDGC		20,0	20,0	20,0
b	Hồ Suối tre mới				
-	Ứng với MNDBT		1,781	1,781	1,781
-	Ứng với MNDGC		2,237	2,237	2,237
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		28,10	28,10	28,10
-	Ứng với MNDGC		32,61	32,61	32,61
2	Diện tích tưới	(ha/vụ)	36		36
3	Cấp nước sinh hoạt	$\text{m}^3/\text{ngđ}$	8.150	Chưa phục vụ	8.150
4	Cấp nước công nghiệp	$\text{m}^3/\text{ngđ}$			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		46,52		46,52

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10,0
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập, hạ lưu)				8,50
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,2

12. Hồ Cầu Dầu

- Vị trí: xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích	10^6 m^3			
-	Ứng với MNDBT		3,759	3,759	3,759
-	Ứng với MNLTk		5,209	5,209	5,209
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		106,9	106,9	106,9
-	Ứng với MNLTk		121,49	121,49	121,49
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	450		450
3	Cấp nước sinh hoạt	$\text{m}^3/\text{ngđ}$	4.000		4.000
4	Cấp nước công nghiệp	$\text{m}^3/\text{ngđ}$			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiền năng
-	Công trình đầu mối		144,65		144,65
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				30,00
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				6,00
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1,00

13. Bộ Đồng Hiệp

- Vị trí: xã Phú Diên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Cao trình	m			
-	MNDBT		106,50	106,50	106,50
2	Cấp nước tưới	ha	1.622 (QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	1.321,18 (thực hiện năm 2023)	1.321,18
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngày			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngày			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		444,25	444,25	444,25

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiền năng
-	Kênh mương		13,73	13,73	13,73
-	Nuôi trồng thủy sản				45,00
-	Trồng cây lâu năm (vùng bán ngập)				100,00
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, du lịch sinh thái...)				116,00